

Tổ Lịch sử - Địa lí

Lớp:

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 8**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ****I. TRẮC NGHIỆM****Câu 1. Người phát minh ra máy điện thoại là ai?**

- A. R. Phon-tơn.
B. G. Men-đen.
C. T. Ê-đi-xơn.
D. A. G. Beo.

Câu 2. Năm 1807, R. Phon-tơn (người Mỹ) đã chế tạo thành công thành tựu nào?

- A. Máy hơi nước.
B. Động cơ đốt trong.
C. Đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước.
D. Tàu thủy chạy bằng hơi nước.

Câu 3. Bộ tiểu thuyết “Những người khốn khổ” là một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn nào?

- A. Vích-to Huy-gô.
B. Lép Tôn-xtôi.
C. Ban-dắc.
D. Lo Bai-rơ.

Câu 4. Nhà văn Lép Tôn-xtôi là tác giả của tác phẩm nào dưới đây?

- A. “Những người khốn khổ”.
B. “Chiến tranh và hòa bình”.
C. “Đông Giơ-ăng”.
D. “Tấn trò đời”.

Câu 5. Ai là tác giả của thuyết tiến hóa?

- A. Sác-lơ Đác-uyn.
B. G. Men-đen.
C. Đ. I. Men-đê-lê-ép.
D. Pi-e Quy-ri.

Câu 6. Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện giải pháp gì để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng?

- A. Nhờ cậy các nước tư bản phương Tây giúp đỡ.
B. Tiến hành cải cách trong nội bộ Mạc phủ Tô-ku-ga-ôa.
C. Cải cách đất nước theo mô hình của các nước phương Tây.
D. Thiết lập chế độ Mạc phủ mới thay thế cho Mạc phủ Tô-ku-ga-ôa.

Câu 7. Trong những năm 1904 - 1905, Nhật Bản tiến hành cuộc chiến tranh với đế quốc nào?

- A. Hà Lan.
B. Mĩ.
C. Anh.
D. Nga.

Câu 8. Đến đầu thế kỉ XX, thuộc địa của Nhật Bản được mở rộng đến đâu?

- A. Vùng châu thổ sông Dương Tử và các nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
B. Vùng Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây và Đông Bắc Trung Quốc.
C. Đài Loan, bán đảo Liêu Đông, cảng Lữ Thuận, Triều Tiên, Sơn Đông,...
D. Vùng châu thổ sông Dương Tử và vùng Đông Bắc của Trung Quốc.

Câu 9. Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân.
B. Đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng.
C. Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.
D. Giúp các nước châu Á bảo vệ độc lập.

Câu 10. Ở In-đô-nê-xi-a, cuộc khởi nghĩa nông dân đảo Gia-va do Sa-min lãnh đạo diễn ra vào thời gian nào?

- A. 1890 - 1907.
B. 1873 - 1903.
C. 1892 - 1896.
D. 1896 - 1897.

Câu 11. Trong những năm 1896 - 1897, ở Phi-líp-pin đã diễn ra cuộc đấu tranh nào dưới đây?

- A. Khởi nghĩa của Bô-ni-pha-xi-ô.
B. Phong trào Cần vương.
C. Khởi nghĩa Yên Thế.
D. Khởi nghĩa của A-cha-xoa.

Câu 12. Nhận xét nào dưới đây đúng về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á ở nửa sau thế kỉ XIX?

- A. Thắng lợi, lật đổ ách cai trị của thực dân phương Tây.
- B. Diễn ra sôi nổi, quyết liệt nhưng cuối cùng thất bại.
- C. Thất bại do không được quần chúng nhân dân ủng hộ.
- D. Chỉ diễn ra dưới hình thức duy nhất là đấu tranh ôn hòa.

Câu 13. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là gì?

- A. Hàm Nghi.
- B. Minh Mệnh.
- C. Thành Thái.
- D. Gia Long.

Câu 14. Dưới thời nhà Nguyễn, kinh đô của Việt Nam được đặt ở đâu?

- A. Thăng Long.
- B. Gia Định.
- C. Phú Xuân.
- D. Thanh Hóa.

Câu 15. Năm 1804, nhà Nguyễn đổi tên nước là gì?

- A. Việt Nam.
- B. Đại Việt.
- C. Nam Việt.
- D. An Nam.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Nêu nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị.

- Về chính trị: thành lập chính phủ theo mô hình của Đức sau thống nhất (1871); ban hành Hiến pháp (1889), lập Quốc hội.
- Về kinh tế: thống nhất tiền tệ, thị trường; cho phép mua bán ruộng đất; xây dựng đường xá, cầu cống; phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- Về giáo dục: thi hành chế độ giáo dục bắt buộc; tăng cường nội dung khoa học - kỹ thuật; cử thanh niên ưu tú đi du học ở phương Tây.
- Về quân sự: tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây; thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự; đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí.

Câu 2. Trong cuộc Duy tân Minh Trị, cải cách nào có ý nghĩa quan trọng nhất để Nhật Bản trở thành đế quốc hùng mạnh vào đầu thế kỷ XX?

- Giáo dục có ý nghĩa quan trọng nhất giúp Nhật Bản trở thành đế quốc hùng mạnh.
- Giáo dục có vai trò rất quan trọng:
 - + Giúp gìn giữ và truyền bá văn minh nhân loại.
 - + Là động lực quan trọng để phát huy nguồn lực con người nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ.
 - + Thúc đẩy đất nước phát triển.

Câu 3. Em có nhận xét gì về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX?

* Giống nhau:

- Phong trào đấu tranh diễn ra mạnh mẽ, liên tục;
- Mục đích thoát khỏi ách thống trị của thực dân, giành độc lập dân tộc.

* Khác nhau:

- Phong trào đấu tranh giành độc lập vào nửa sau thế kỉ XIX: do các giai cấp, tầng lớp cũ lãnh đạo, mang tư tưởng phong kiến.
- Phong trào đấu tranh giành độc lập đầu thế kỉ XX:
 - + Có sự tham gia, lãnh đạo của các tầng lớp, giai cấp mới, tiến bộ (trí thức, tư sản dân tộc, công nhân);
 - + Tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây.

B. PHẦN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Việt Nam có bao nhiêu nhóm đất chính?

- A. 2 nhóm.
- B. 3 nhóm.
- C. 4 nhóm.
- D. 5 nhóm.

Câu 2. Nhóm đất nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng diện tích đất tự nhiên của nước ta?

- A. Đất phù sa.
- B. Đất mùn núi cao.
- C. Đất feralit.
- D. Đất mặn ven biển.

Câu 3. Đặc điểm nổi bật nhất của lớp phủ thổ nhưỡng ở nước ta là gì?

- A. Đất phì nhiêu, màu mỡ, tơi xốp.
- B. Đất có tầng phong hóa dày, ít bị rửa trôi.
- C. Đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa.
- D. Ít chịu tác động của con người.

Câu 4. Nhóm đất nào sau đây thích hợp để trồng lúa, rau, hoa màu và cây công nghiệp hằng năm?

- A. Đất phù sa.
- B. Đất Feralit.
- C. Đất mùn núi cao.
- D. Đất phèn.

Câu 5. Đặc điểm chung của đất feralit là gì?

- A. Có lớp vỏ phong hóa dày, thoáng khí, dễ thoát nước.
- B. Đất thường có màu đỏ vàng.
- C. Nghèo các chất bazơ và mùn.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 6. Một số biện pháp được sử dụng để chống thoái hoá đất là gì?

- A. Trồng rừng và bảo vệ rừng.
- B. Xây dựng cơ sở vật chất, công trình thủy lợi để cải tạo đất được hiệu quả.
- C. Thực hiện nghiêm Luật Đất đai của nước ta.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 7. Sự đa dạng của sinh vật nước ta được thể hiện qua những đặc điểm nào?

- A. Có nhiều loài thực vật quý hiếm.
- B. Có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.
- C. Nhiều loài sinh vật có nguy cơ bị tuyệt chủng.
- D. Sự đa dạng về thành phần loài, gen di truyền và kiểu hệ sinh thái.

Câu 8. Hệ sinh thái nào sau đây ngày càng mở rộng, chiếm dần diện tích của hệ sinh thái tự nhiên?

- A. Hệ sinh rừng thái ngập mặn.
- B. Hệ sinh thái nông nghiệp.
- C. Hệ sinh thái rừng tre nứa.
- D. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh.

Câu 9. Vùng đất bãi triều cửa sông, ven biển thuận lợi cho sự phát triển của hệ sinh thái nào sau đây?

- A. Rừng thưa rụng lá.
- B. Rừng tre nứa.
- C. Rừng ngập mặn.
- D. Rừng kín thường xanh.

Câu 10. Khu dự trữ sinh quyển thế giới nào sau đây thuộc thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Cát Tiên.
- B. Cù Lao Chàm.
- C. Hà Tiên.
- D. Cần Giờ.

Câu 11. Vùng biển Việt Nam là một phần của biển nào sau đây?

- A. Biển Xu-lu.
- B. Biển Xu-la-vê-di.
- C. Bắc Băng Dương.
- D. Biển Đông.

Câu 12. Biển Đông có diện tích khoảng bao nhiêu?

- A. 3 447 nghìn km².
- B. 3 474 nghìn km².
- C. 3 744 nghìn km².
- D. 4 374 nghìn km².

Câu 13. Vùng biển nước ta gồm những bộ phận nào?

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa.
- B. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- C. Vùng đặc quyền về kinh tế, nội thủy, lãnh hải.

D. Nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải.

Câu 14. Có bao nhiêu điểm để xác định đường cơ sở chiều rộng của lãnh hải của lục địa nước ta?

A. 10.

C. 12.

B. 11.

D. 13.

Câu 15. Những quốc gia nào sau đây ở Đông Nam Á không có chung Biển Đông với Việt Nam?

A. Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

C. In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây.

B. Mi-an-ma, Lào, Đông-ti-mo.

D. Xin-ga-po, Thái Lan, Bru-nây.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy chứng minh sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.

- Đa dạng về thành phần loài: ở nước ta đã phát hiện hơn 50.000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 20.000 loài thực vật, 10.500 loài động vật trên cạn.

- Đa dạng về nguồn gen di truyền: trong mỗi loài lại có số lượng cá thể rất lớn, tạo nên sự đa dạng của nguồn gen di truyền.

- Đa dạng về hệ sinh thái:

+ Hệ sinh thái tự nhiên trên cạn như rừng kín thường xanh, rừng thưa, rừng tre nứa, rừng trên núi đá vôi,...

+ Hệ sinh thái tự nhiên dưới nước: nước mặn, nước ngọt.

+ Các hệ sinh thái nông nghiệp: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của con người.

Câu 2. Em hãy phân tích đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản ở nước ta.

a. Đặc điểm của đất phù sa

- Được hình thành do quá trình bồi tụ của các hệ thống sông.

- Đặc điểm chung: tầng đất dày và phì nhiêu.

b. Giá trị sử dụng đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

- Đối với nông nghiệp: thích hợp trồng cây lương thực, rau, hoa màu và cây công nghiệp hằng năm.

- Đối với sản xuất thủy sản: thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Câu 3. Bằng kiến thức đã học, em hãy trình bày các khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).

- Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

- Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

- Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

- Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

--- HẾT ---